

**KHẢO SÁT THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO LIÊN TỤC
CỦA ĐIỀU DƯỠNG LÂM SÀNG KHỐI NỘI TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2022**

Hồ Phương Thúy¹

¹Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng công tác đào tạo liên tục của Điều dưỡng lâm sàng khối Nội tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019 - 2020 và xác định nhu cầu đào tạo liên tục giai đoạn 2021 - 2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu hồi cứu kết hợp mô tả cắt ngang được tiến hành trên 48 Điều dưỡng tại 05 khoa lâm sàng khối Nội - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2020. **Kết quả:** Công tác đào tạo liên tục giai đoạn 2019 - 2020 về thực hiện chăm sóc người bệnh và thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chung đều được Điều dưỡng của 05 khoa lâm sàng khối Nội quan tâm và tham gia học tập với tỷ lệ cao, dao động từ 80% - 100%. Trong 02 năm tới (2021 - 2022), trên 80% Điều dưỡng có nhu cầu đào tạo liên tục: Tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe (91,7%). Quy trình Cấp cứu sốc phản vệ (81,3%), cấp cứu ngừng tuần hoàn (81,3%). Cấp cứu ngừng hô hấp (81,3%). Phụ giúp Bác sỹ chọc dịch màng tim (90%). Phụ giúp Bác

sỹ Cắt polip (90,0%). Phụ giúp Bác sỹ nội soi dạ dày (80,0%). Phụ giúp Bác sỹ Nội soi đại tràng (80,0%). Phụ giúp Bác sỹ chọc hút dịch màng phổi (80,0%). Về cách thức tổ chức đào tạo: 70,8% đối tượng mong muốn thời gian mỗi khoa học dưới 05 ngày; 87,5% mong muốn được đào tạo ngay tại đơn vị và hầu hết Điều dưỡng mong muốn phương pháp đào tạo kết hợp lý thuyết và thực hành. Với đội ngũ giảng viên là cán bộ các bệnh viện tuyến Trung ương (72,9%). **Kết luận:** Các Điều dưỡng của 05 khoa lâm sàng khối Nội mong muốn được đào tạo liên tục về tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Quy trình cấp cứu sốc phản vệ, cấp cứu ngừng tuần hoàn, cấp cứu ngừng hô hấp và một số kỹ thuật phụ giúp Bác sỹ. Điều dưỡng mong muốn được đào tạo tại chỗ, với thời gian đào tạo ngắn hạn, phương pháp đào tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đội ngũ giảng viên là cán bộ y tế bệnh viện tuyến Trung ương.

Từ khóa: Đào tạo liên tục, nhu cầu đào tạo liên tục, Điều dưỡng lâm sàng khối Nội.

**SURVEY ON THE CURRENT SITUATION AND DEMAND FOR CONTINUOUS
TRAINING OF CLINICAL NURSING AT TUYEN QUANG GENERAL HOSPITAL FOR
THE PERIOD 2021 - 2022**

ABSTRACT

Objective: Describe the current situation of continuous training of internal clinical

nursing in the period of 2019 - 2020 and identify the need for continuous training in the period 2021 - 2022. **Method:** A combined research on cross-sectional descriptions was conducted on 48 nurses in 05 clinical departments of Internal Medicine - Tuyen Quang General Hospital from September 2020 to November 2020. **Results:**

Người chịu trách nhiệm: Hồ Phương Thúy
Email: hophuongthuy9x@gmail.com
Ngày phản biện: 18/5/2021
Ngày duyệt bài: 25/5/2021
Ngày xuất bản: 28/6/2021

*Continuous training in the period of 2019 - 2020 on the implementation of patient care and the implementation of general nursing techniques are all interested by nursing of 05 clinical departments in the Internal Department and participated in learning at a high rate, with a high rate of 80% - 100%. In the next 02 years (2021 - 2022), over 80% of nurses have continuous training needs: Counseling, guidance, health education (91.7%). Anaphylaxis (81.3%). Procedures CPR (81.3%). Respiratory arrest (81.3%). Assist the Doctor with pericardiocentesis (90.0%). Assistant Doctor Remove polyps (90.0%). Assistant Gastroenterologist (80,0%). Assistant Colonoscopy Doctor (80,0%). Assist the Doctor to aspirate pleural fluid (80.0%). Regarding how to organize training: 70.8% of subjects want a time of less than 05 days per science; 87.5% want to be trained right at the unit and most Nurses want a training method that combines theory and practice. With a staff of lecturers who are staff of central hospitals (72.9%). **Conclusion:** Nurses of the 05 internal clinical faculties found that they are still limited in the group of competencies in counseling, guidance, health education; Anaphylaxis, procedures CPR, respiratory arrest and some technical assistance to doctors. Nurses want on-the-job training, with short-term training, training methods combining theory and practice, and the central line of trainers.*

Keywords: *Continuity of training, the need for continuous training, Clinical Nursing of Internal Medicine.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều dưỡng (ĐD) là một ngành đặc biệt, đòi hỏi những người Điều dưỡng phải liên tục cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ thuật mới nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc người bệnh và sự thay đổi về mô hình bệnh tật. Vì vậy, việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên

môn của Điều dưỡng luôn được Lãnh đạo Trung ương, Lãnh đạo ngành Y tế quan tâm chỉ đạo về công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Điều dưỡng [1]. Năm 2013, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 22/2013/TT-BYT thay thế Thông tư 07/2008/TT-BYT để hướng dẫn công tác đào tạo liên tục (ĐTLT) cho cán bộ y tế (CBYT). Trong đó quy định các CBYT hàng năm phải có nghĩa vụ học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời giao trách nhiệm cho các đơn vị sử dụng nhân lực y tế tạo điều kiện để CBYT tại đơn vị thực hiện nghĩa vụ học tập. Ngoài ra, Thông tư cũng quy định CBYT đã được cấp chứng chỉ hành nghề và đang hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có nghĩa vụ tham gia ĐTLT tối thiểu 48 tiết học trong 02 năm liên tiếp, nếu không sẽ bị thu hồi chứng chỉ hành nghề [2].

ĐTLT đóng vai trò quan trọng giúp mỗi người CBYT thường xuyên được củng cố kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, đồng thời cập nhật những kiến thức và tiến bộ mới đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ. Điều này càng đặc biệt cần thiết với đội ngũ ĐD, vì đây là nguồn nhân lực chiếm tỷ lệ lớn, có vai trò quan trọng trong hệ thống y tế. Việc xác định được nhu cầu đào tạo (NCĐT) của CBYT là rất cần thiết bởi không phải chỉ có nhu cầu của bản thân người CBYT mà còn là nhu cầu và trách nhiệm của các nhà quản lý đang sử dụng nguồn nhân lực Y tế [3]. Xác định NCĐT nhằm phát hiện chính xác những vấn đề cần đào tạo, đối tượng cần đào tạo và hình thức đào tạo cho phù hợp [4]. Nghiên cứu Trần Quốc Kham và cộng sự về “*Thực trạng và nhu cầu đào tạo Điều dưỡng trung học tuyến cơ sở của ngành y tế tỉnh Điện Biên năm 2009*” đã chỉ ra rằng: chỉ có 28,6% ĐD tuyến cơ sở trong 02 năm gần đây được đào tạo bồi dưỡng cập nhật kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Có tới 82,5% ĐD trung cấp ở tuyến cơ sở của tỉnh Điện Biên có nhu cầu được ĐTLT, trong đó cao nhất là nhu cầu về chủ đề ĐD chung, ĐD ngoại

khoa và ĐD hồi sức cấp cứu [5]. Một nghiên cứu khác của Ngô Minh Đạt về *“Khảo sát thực trạng nhân lực và nhu cầu đào tạo liên tục của Điều dưỡng viên tại huyện Thanh Oai, Hà Nội năm 2018”* cho thấy: chỉ có khoảng 70% ĐD được tham gia các khóa ĐTLT trong vòng 03 năm trở lại đây, và có đến 92% ĐD đang làm việc tại huyện Thanh Oai có nhu cầu ĐTLT [6]. Kết quả nghiên cứu của các tác giả trên cho thấy sự cần thiết phải xác định nhu cầu ĐTLT của ĐD, làm cơ sở cho việc thực hiện ĐTLT phù hợp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ này.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang là Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh hạng I với quy mô 780 giường bệnh. Tổng số cán bộ viên chức, người lao động trong toàn bệnh viện tính đến thời điểm tháng 11 năm 2020 là 670 người: trong đó có 170 Bác sỹ, 308 Điều dưỡng, 26 Nữ hộ sinh và 51 Kỹ thuật viên. Từ trước đến nay tại bệnh viện chưa có một khảo sát thực tế hay nghiên cứu nào đánh giá về thực trạng và nhu cầu ĐTLT của ĐD đang công tác tại viện. Vì vậy, để có các khuyến nghị dựa trên cơ sở khoa học giúp cho công tác tổ chức đào tạo liên tục của Điều dưỡng thực hiện tốt hơn, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: *“Khảo sát thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của Điều dưỡng lâm sàng khối Nội tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2022”* với mục tiêu: *Mô tả thực trạng công tác đào tạo liên tục của Điều dưỡng lâm sàng khối Nội giai đoạn 2019 - 2020 và xác định nhu cầu đào tạo liên tục giai đoạn 2021 - 2022.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Điều dưỡng trưởng và Điều dưỡng viên.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Điều dưỡng trưởng và Điều dưỡng của 05 khoa lâm sàng khối Nội - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang (cả biên chế và hợp đồng lao

động làm việc từ 01 năm trở lên): Khoa Nội Tim mạch, Nội Tiêu hóa, Nội Tổng hợp, Nội A, Nội Thận - Khớp.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những đối tượng đi học, nghỉ thai sản, đi công tác, nghỉ ốm, nghỉ phép trong thời gian nghiên cứu. Những đối tượng sẽ nghỉ hưu từ tháng 9/2020. Những đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020.

- Thời gian thu thập và xử lý số liệu: Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020.

- Địa điểm nghiên cứu: Tại 05 khoa lâm sàng khối Nội - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang (Khoa Nội Tim mạch, Nội Tiêu hóa, Nội Tổng hợp, Nội A, Nội Thận - Khớp).

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu hồi cứu kết hợp mô tả cắt ngang.

2.4. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ, lấy tất cả Điều dưỡng đang công tác tại 05 khoa lâm sàng khối Nội của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chọn mẫu và đồng ý tham gia nghiên cứu. Và có 48 Điều dưỡng đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền đã chuẩn bị sẵn, được xây dựng dựa trên bộ công cụ của tác giả Nguyễn Thị Hoài Thu sử dụng trong nghiên cứu “Đánh giá nhu cầu ĐTLT của ĐD lâm sàng tại bệnh viện Phổi Trung ương, giai đoạn 2015 - 2017” [7], đồng thời tham khảo Thông tư 07/2011/TT-BYT Hướng dẫn công tác ĐD về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện [8]. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu thực hiện phỏng vấn ĐD trưởng 05 khoa lâm sàng khối Nội về các kỹ thuật ĐD thực tế thực hiện tại khoa để làm cơ sở xây dựng phiếu điều tra. Bộ câu hỏi bao gồm 03 phần:

- Phần A: Thông tin chung. Gồm 6 câu hỏi về thông tin của đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) như họ và tên, năm sinh, giới tính, khoa đang công tác, bằng cấp cao nhất và thâm niên công tác.

- Phần B: Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của Điều dưỡng lâm sàng khối Nội.

+ Đối tượng nghiên cứu đã được ĐTLT về các nội dung trong 02 năm gần đây (2019 - 2020): Gồm 69 câu hỏi.

+ Nhu cầu ĐTLT của đối tượng nghiên cứu trong 02 năm tới (2021 - 2022): Gồm 69 câu hỏi.

- Phần C: Cách tổ chức đào tạo liên tục nâng cao trình độ chuyên môn trong 02 năm tới (2021 - 2022). Gồm 07 câu hỏi.

2.6. Phương pháp phân tích số liệu: Sử dụng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 20.0.

2.7. Đạo đức nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu đồng thuận tham gia, các thông tin chỉ phục vụ nghiên cứu khoa học và được đảm bảo bí mật. Nghiên cứu đã được Hội đồng Nghiên cứu Khoa học và Hội đồng đạo đức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang cho phép thực hiện.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu

3.1.1. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu về lĩnh vực thực hiện chăm sóc người bệnh

Bảng 1. Thực trạng và nhu cầu ĐTLT về thực hiện CSNB (n=48)

Nội dung công việc của ĐD	Đã được ĐTLT trong 02 năm (2019 - 2020)		Nhu cầu ĐTLT trong 02 năm tới (2021 - 2022)	
	SL	TL %	SL	TL %
Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe (GDSK)	44	91,7	35	72,9
Chăm sóc về tinh thần	44	91,7	32	66,7
Chăm sóc vệ sinh cá nhân	43	89,6	30	62,5
Chăm sóc dinh dưỡng	44	91,7	31	64,6
Chăm sóc phục hồi chức năng	31	64,6	34	70,8
Chăm sóc NB có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật	28	58,3	31	64,6
Hướng dẫn và cho NB uống thuốc	41	85,4	31	64,6

Bảng 1 cho thấy: Trong 02 năm (2019 - 2020), ĐTNC đã được ĐTLT về các nội dung Tư vấn, hướng dẫn GDSK; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Hướng dẫn và cho NB uống thuốc đều chiếm tỷ lệ trên 85% (với tỷ lệ tương ứng là 91,7%; 91,7%; 89,6%; 91,7% và 85,4%). Tuy nhiên, vẫn còn nội dung Chăm sóc NB có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật chiếm tỷ lệ thấp với 58,3%. Trong 02 năm tới (2021 - 2022), tất cả các nội dung của lĩnh vực thực hiện chăm sóc người bệnh đều được ĐTNC lựa chọn có nhu cầu ĐTLT chiếm tỷ lệ đều trên 60%. Đặc biệt, nhu cầu được ĐTLT ở nội dung Tư vấn, hướng dẫn GDSK và Chăm sóc phục hồi chức năng được mọi người đề xuất cao hơn với tỷ lệ tương ứng là 72,9% và 70,8%. Và đây cũng là hai nội dung được ưu tiên ĐTLT theo phản hồi của ĐD trong thời gian tới.

3.2.2. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu về thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chung của 05 khoa lâm sàng khối Nội

Bảng 2. Thực trạng và nhu cầu ĐTLT về thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chung của 05 khoa lâm sàng khối Nội (n = 48)

Nội dung công việc của ĐĐ	Đã được ĐTLT trong 02 năm (2019 - 2020)		Nhu cầu ĐTLT trong 02 năm tới (2021 - 2022)	
	SL	TL %	SL	TL %
Đo dấu hiệu sinh tồn	43	89,6	22	45,8
Tiêm bắp	43	89,6	24	50,0
Tiêm tĩnh mạch	43	89,6	24	50,0
Tiêm trong da	43	89,6	23	47,9
Tiêm dưới da	43	89,6	23	47,9
Lấy máu tĩnh mạch	44	91,7	24	50,0
Bơm kim điện	40	83,3	25	52,1
Truyền dịch	41	85,4	24	50,0
Truyền máu	44	91,7	30	62,5
Thay băng rửa vết thương	37	77,1	26	54,2
Hút đờm dãi	39	81,3	28	58,3
Cho người bệnh thở khí dung	40	83,3	22	45,8
Cho người bệnh thở Oxy	42	87,5	23	47,9
Bóp bóng Ambu	41	85,4	29	60,4
Cho người bệnh ăn qua sonde	39	81,3	23	47,9
Đặt sonde dạ dày	42	87,5	24	50,0
Đặt ống thông tiểu nữ	41	85,4	25	52,1
Đặt ống thông tiểu nam	41	85,4	28	58,3
Bơm rửa bàng quang	40	83,3	24	50,0
Thụt tháo	39	81,3	24	50,0
Đo điện tim	40	83,3	30	62,5
Quy trình cấp cứu sốc phản vệ	44	91,7	39	81,3
Quy trình cấp cứu ngừng tuần hoàn	43	89,6	39	81,3
Quy trình cấp cứu ngừng hô hấp	42	87,5	39	81,3

Kết quả tại bảng 2 chỉ ra trong 02 năm (2019 - 2020), tỷ lệ ĐTNC được ĐTLT về lĩnh vực thực hiện các kỹ thuật ĐĐ chung của cả 05 khoa Nội đều rất cao, đều trên 80%. Trong 02 năm tới (2021 - 2022), có 06/24 quy trình kỹ thuật ĐTNC có nhu cầu mong muốn được ĐTLT chiếm tỷ lệ trên 60% là: Truyền máu, Bóp bóng Ambu, Đo điện tim, Quy trình (QT) cấp cứu sốc phản vệ, QT cấp cứu ngừng tuần hoàn, QT cấp cứu ngừng hô hấp. Riêng 03 quy trình: Cấp cứu sốc phản vệ; Cấp cứu ngừng tuần hoàn; Cấp cứu ngừng hô hấp được ĐĐ mong muốn đào tạo cao hơn, với tỷ lệ đều là 81,3%.

3.2.3. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu về thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chuyên biệt của từng khoa

Bảng 3. Thực trạng và nhu cầu ĐTLT về thực hiện kỹ thuật ĐD chuyên biệt của từng khoa

Khoa	Nội dung công việc của ĐD	Đã được ĐTLT trong 02 năm (2019 - 2020)		Nhu cầu ĐTLT trong 02 năm tới (2021 - 2022)	
		SL	TL %	SL	TL %
Nội Tim mạch (n=10)	Phụ giúp BS chọc dịch màng tim	9	90,0	9	90,0
	Phụ giúp BS can thiệp tim mạch	1	10,0	1	10,0
	Cấp cứu tim mạch	0	0,0	1	10,0
Nội Tiêu hóa (n=10)	Phụ giúp BS nội soi dạ dày	3	30,0	8	80,0
	Phụ giúp BS nội soi đại tràng	3	30,0	8	80,0
	Phụ giúp BS gấp bã thức ăn dạ dày	3	30,0	8	80,0
	Phụ giúp BS cắt polip	2	20,0	9	90,0
	Phụ giúp BS thắt tĩnh mạch thực quản	2	20,0	9	90,0
	Phụ giúp BS chọc dịch ổ bụng	3	30,0	8	80,0
Nội Tổng hợp (n=10)	Tiêm insulin dưới da	10	100,0	7	70,0
	Test đường máu mao mạch	10	100,0	7	70,0
	Phụ giúp BS nội soi phế quản	5	50,0	5	50,0
	Phụ giúp BS thăm dò chức năng hô hấp	4	40,0	6	60,0
	Phụ giúp BS chọc hút dịch màng phổi	10	100,0	8	80,0
Nội A (n=5)	Mắc Hotele điện tim	5	100,0	4	80,0
	Mắc Hotele huyết áp	5	100,0	4	80,0
	Đo mật độ loãng xương	4	80,0	5	100,0
Nội Thận - Khớp (n=13)	Phụ giúp BS chọc hút dịch ổ bụng	10	76,9	9	69,2
	Phụ giúp BS chọc hút dịch màng phổi	10	76,9	9	69,2
	Phụ giúp BS đặt catheter lọc máu	13	100,0	8	61,5
	Phụ giúp BS tiêm khớp	10	76,9	9	69,2
	Phụ giúp BS lấy máu tách huyết tương giàu tiểu cầu	6	46,2	9	69,2
	Phụ giúp BS chọc dịch khớp gối	7	53,8	8	61,5
	Cắm kim ngoại vi lọc máu chu kỳ	9	69,2	4	30,8
	Chăm sóc catheter	11	84,6	6	46,2

Số liệu tại bảng 3 cho thấy: Trong 02 năm (2019 - 2020), kỹ thuật phụ giúp BS chọc dịch màng tim của Khoa Nội Tim mạch được quan tâm ĐTLT hơn, với tỷ lệ 90%. Trong 02 năm tới (2021 - 2022), kỹ thuật phụ giúp BS chọc dịch màng tim vẫn được 90% ĐD của khoa mong muốn được ĐTLT. Và 01 ĐD đã được cử đi đào tạo phụ giúp BS can thiệp tim mạch vẫn mong muốn được học thêm 01 lớp phụ giúp BS can thiệp tim mạch và 01 lớp cấp cứu tim mạch để có thể thực hiện thành thạo và làm chủ các kỹ thuật này.

Trong 02 năm (2019 - 2020), tỷ lệ ĐD của khoa Nội Tiêu hóa được ĐTLT về 06 quy trình kỹ thuật phụ giúp BS đều chiếm tỷ lệ thấp, dưới 30%. Chính vì vậy, trong 02 năm tới (2021 - 2022) tất cả 06 quy trình kỹ thuật trên đều được ĐD của khoa Nội tiêu hóa quan tâm và mong muốn được đào tạo với tỷ lệ đều trên 80%.

Trong 02 năm (2019 - 2020), tất cả ĐD của khoa Nội Tổng hợp đều được ĐTLT về kỹ thuật tiêm insulin dưới da; Test đường máu mao mạch và phụ giúp BS chọc hút dịch màng phổi. Nhưng kỹ thuật phụ giúp BS nội soi phế quản và phụ giúp BS thăm dò chức năng hô hấp chỉ gần 50% ĐD trong khoa được ĐTLT. Và trong 02 năm tới (2021 - 2022), ĐD của khoa vẫn có nhu cầu ĐTLT 05 kỹ thuật trên với tỷ lệ trên 50%.

Trong 02 năm (2019 - 2020), công tác ĐTLT về các kỹ thuật ĐD chuyên biệt của khoa Nội A đều rất được quan tâm, với tỷ lệ đều trên 70%. Và trong 02 năm tới (2021 - 2022), ĐD của khoa Nội A vẫn mong muốn được ĐTLT về các kỹ thuật này để nâng cao năng lực chuyên môn hơn nữa, với tỷ lệ đều trên 60%. Trong đó 03 kỹ thuật có nhu cầu cao nhất là Đo mật độ loãng xương; Mắc Holte điện tim và Mắc Holte huyết áp với tỷ lệ lần lượt 100%; 80%; 80%.

Trong 02 năm (2019 - 2020), tỷ lệ ĐD của khoa Nội Thận - Khớp được ĐTLT về các kỹ thuật ĐD chuyên biệt dao động từ 46,2% - 100%. Trong đó, kỹ thuật phụ giúp BS đặt catheter lọc máu và kỹ thuật chăm sóc catheter có tỷ lệ cao nhất với 100% và 84,6%; nhưng kỹ thuật phụ giúp BS lấy máu tách huyết tương giàu tiểu cầu lại chỉ có 46,2%. Trong 02 năm tới (2021 - 2022), nhu cầu ĐTLT của ĐD khoa Nội Thận - Khớp tập chung chủ yếu ở các kỹ thuật phụ giúp BS chọc hút dịch ổ bụng; Phụ giúp BS chọc hút dịch màng phổi; phụ giúp BS tiêm khớp và phụ giúp BS lấy máu tách huyết tương giàu tiểu cầu với tỷ lệ đều là 69,2%.

3.2.4. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu lĩnh vực thực hiện các công việc khác

Bảng 4. Thực trạng và nhu cầu ĐTLT về lĩnh vực thực hiện các công việc khác (n = 48)

Nội dung công việc của ĐD	Đã được ĐTLT trong 02 năm (2019 - 2020)		Nhu cầu ĐTLT trong 02 năm tới (2021 - 2022)	
	SL	TL %	SL	TL %
Quản lý				
Quản lý thuốc, hồ sơ bệnh án	34	70,8	28	58,3
Quản lý trang thiết bị và tài sản	34	70,8	31	64,6
Quản lý thực hiện y lệnh CSNB	34	70,8	31	64,6
Giao tiếp và hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ				
Giao tiếp và hợp tác với Bác sỹ trong điều trị và CSNB	48	100,0	38	79,2
Giao tiếp và hợp tác với ĐD trong CSNB	48	100,0	39	81,3
Giao tiếp với NB và người nhà NB đến khám chữa bệnh	47	97,9	36	75,0
Nghiên cứu khoa học (NCKH)				
Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ĐD	20	41,7	32	66,7

Kết quả nghiên cứu tại bảng 4 chỉ ra trong 02 năm (2019 - 2020), ĐTNC được ĐTLT về lĩnh vực thực hiện các công việc khác hầu hết đều rất cao, chiếm tỷ lệ trên 70%. Riêng công tác ĐTLT về NCKH trong lĩnh vực ĐD thì chỉ có 41,7% ĐD được tham dự các buổi đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị NCKH. Và trong 02 năm tới (2021 - 2022), có 66,7% ĐD khối Nội mong muốn được đào tạo về công tác NCKH. Ngoài ra, ĐD vẫn có nguyện vọng rất lớn được ĐTLT về giao tiếp, hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ với tỷ lệ đều trên 75%.

3.3. Nhu cầu về cách thức tổ chức đào tạo liên tục của Điều dưỡng

Bảng 5. Nhu cầu về cách thức tổ chức ĐTLT của ĐD trong 02 năm tới (2021 - 2022) (n = 48)

Nhu cầu về cách thức tổ chức ĐTLT		SL	TL %
Thời gian	01 ngày	16	33,3
	02 - 05 ngày	18	37,5
	06 - 30 ngày	4	8,3
	> 30 ngày	10	20,8
Địa điểm	Học tại đơn vị (BVĐK tỉnh TQ)	42	87,5
	Học tại Bệnh viện khác	6	12,5
	Học tại các trường Y tế	0	0,0
	Học tại địa điểm khác	0	0,0
Hình thức ĐTLT	Tập trung	17	35,4
	Từ xa	10	20,8
	Kết hợp giữa tập trung và từ xa	21	43,8
Phương pháp ĐTLT	Lý thuyết	4	8,3
	Thực hành	0	0,0
	Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành	44	91,7
Giảng viên ĐTLT	Là cán bộ đơn vị	6	12,5
	Là cán bộ các bệnh viện tuyến tỉnh	0	0,0
	Là cán bộ các bệnh viện tuyến TW	35	72,9
	Là giảng viên các trường Đại học Y	7	14,6
Khả năng tự chi trả kinh phí ĐTLT	Có	35	72,9
Cấp chứng chỉ/ chứng nhận	Có	46	95,8

Kết quả bảng 5 cho thấy: Có 70,8% ĐTNC mong muốn được ĐTLT trong thời gian dưới 05 ngày (trong đó thời gian ĐTLT trong 01 ngày chiếm 33,3%; từ 02 - 05 ngày chiếm 37,85%). Hầu hết ĐD mong muốn được ĐTLT theo phương pháp kết hợp lý thuyết và thực hành (91,7%) tại đơn vị (87,5%) với đội ngũ giảng viên là cán bộ các bệnh viện tuyến Trung ương (72,9%).

4. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu

4.1.1. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu về lĩnh vực thực hiện chăm sóc người bệnh

Kết quả ở bảng 1 cho thấy: Trong 02 năm (2019 - 2020), công tác ĐTLT của ĐD về các nội dung Tư vấn, hướng dẫn GDSK; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Hướng dẫn và cho NB uống thuốc đều được triển khai rất tốt và có số lượng ĐD tham dự chiếm số lượng cao với tỷ lệ đều trên 85% (với tỷ lệ tương ứng là 91,7%; 91,7%; 89,6%; 91,7% và 85,4%). Tuy nhiên, ĐTLT về nội dung chăm sóc phục hồi chức năng và chăm sóc NB có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật vẫn chiếm tỷ lệ thấp hơn với 64,6% và 58,3%.

Trong 02 năm tới (2021 - 2022), tất cả các nội dung của lĩnh vực thực hiện chăm sóc người bệnh đều được ĐTNC lựa chọn có nhu cầu ĐTLT chiếm tỷ lệ đều trên 60%. Đặc biệt, nhu cầu được ĐTLT ở nội dung tư vấn, hướng dẫn GDSK và chăm sóc PHCN được

mọi người đề xuất cao hơn với tỷ lệ tương ứng là 72,9% và 70,8%. Và đây cũng là hai nội dung được ưu tiên ĐTLT theo phản hồi của ĐD trong thời gian tới. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hằng (2016) với mức độ ưu tiên đào tạo đều chiếm tỷ lệ trên 50% (tương ứng lần lượt là 53,4% và 57,5%) [9] và nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Hoài Thu (2015) với mong muốn được ĐTLT với hai nội dung trên ở cả 2 đối tượng ĐD đại học, ĐD cao đẳng và đối tượng ĐD trung cấp đều chiếm tỷ lệ khá cao nằm trong khoảng từ 60% đến 80% [7]. Thực tế có mức độ nhu cầu đào tạo cao như vậy là vì công tác GDSK là một trong số các nhiệm vụ bắt buộc mà Thông tư 07/2011/TT-BYT đã quy định. Trong chăm sóc điều trị hàng ngày, ĐD phải sử dụng thường xuyên để tư vấn cho NB. Đây cũng là nhu cầu cấp bách cần được các nhà quản lý quan tâm và có kế hoạch đưa vào đào tạo trong những năm tới [8].

4.1.2. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu về thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chung của 05 khoa lâm sàng khối Nội

Bảng 2 cho thấy: Trong 02 năm (2019 - 2020), tỷ lệ ĐTNC được ĐTLT về lĩnh vực thực hiện các kỹ thuật ĐD chung của cả 05 khoa Nội đều rất cao, đều trên 80%. Đây là các kỹ thuật cơ bản mà người ĐD nào cũng phải thực hiện thuần thục trong công việc hàng ngày, cũng vì vậy mà các ĐD lâm sàng khối Nội tham gia rất đông khi có các buổi ĐTLT về các nội dung này.

Trong 02 năm tới (2021 - 2022), có 06/24 quy trình kỹ thuật ĐTNC có nhu cầu mong muốn được ĐTLT chiếm tỷ lệ trên 60% là: Truyền máu, Bóp bóng Ambu, Đo điện tim, Quy trình (QT) cấp cứu sốc phản vệ, QT cấp cứu ngừng tuần hoàn, QT cấp cứu ngừng hô hấp. Riêng 03 quy trình: QT cấp cứu sốc phản vệ, QT cấp cứu ngừng tuần hoàn, QT cấp cứu ngừng hô hấp được ĐD mong muốn được ĐTLT chiếm tỷ lệ cao,

đều là 81,3%. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Hoài Thu đánh giá về thực trạng và nhu cầu ĐTLT của ĐD các khoa lâm sàng bệnh viện Phổi Trung ương năm 2015 với nhu cầu ĐTLT của ĐD thực hiện kỹ thuật cấp cứu người bệnh đạt tỷ lệ trên 70% [7] và nghiên cứu của tác giả La Đức Phương (2017) đánh giá nhu cầu ĐTLT cho ĐD lâm sàng khối Nội và khối Ngoại của Bệnh viện đa khoa Kiên Giang với nhu cầu ĐTLT ở 03 quy trình kỹ thuật trên đều rất cao chiếm tỷ lệ từ 81% đến 84% [10]. Điều này giải thích rằng thực hiện nhiệm vụ cấp cứu là yêu cầu bắt buộc đối với ĐD khi chăm sóc người bệnh trong bệnh viện, nên ưu tiên đào tạo cho ĐD là cần thiết trong thời gian tới.

4.1.3. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu về thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chuyên biệt của từng khoa (Kết quả Bảng 3)

* **Khoa Nội Tim mạch:** Trong 02 năm (2019 - 2020), kỹ thuật phụ giúp BS chọc dịch màng tim được quan tâm ĐTLT hơn, với tỷ lệ 90%. Kỹ thuật can thiệp tim mạch chỉ có 01 ĐD được bệnh viện cử đi đào tạo, vì đây là quy trình phức tạp đòi hỏi phải cử ĐD có đủ sức khỏe, có kinh nghiệm lâm sàng đáp ứng công việc sau này. Trong 02 năm tới (2021 - 2022), kỹ thuật phụ giúp BS chọc dịch màng tim vẫn được 90% ĐD của khoa Nội tim mạch mong muốn được ĐTLT. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của tác giả La Đức Phương với nhu cầu mong muốn đào tạo của ĐD hạng III là 73,5%; của ĐD hạng IV là 75,5% [10]. Và nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thu Hằng với nhu cầu đào tạo của ĐD hạng III là 61,2%; của ĐD hạng IV là 82,5% [9]. Điều này nói lên rằng đây cũng là kỹ thuật khó, cần được ĐTLT thường xuyên, mong muốn này thực tế và rất phù hợp. Vì nếu không cập nhật kiến thức và chuyên môn qua ĐTLT khi thực hiện trên bệnh nhân, người nhà bệnh nhân không yên tâm, đối với ĐD

cũng không tự tin khi thực hiện nên nhu cầu ĐTLT trong thời gian tới là rất cao. Nhu cầu ĐTLT của kỹ thuật trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Hoài Thu là 94,7% [7] cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của chúng tôi.

* **Khoa Nội Tiêu hóa:** Trong 02 năm (2019 - 2020), tỷ lệ ĐD của khoa Nội tiêu hóa được ĐTLT về 04 quy trình kỹ thuật phụ giúp Bác sỹ: nội soi dạ dày; nội soi đại tràng; cắt polip; chọc dịch ổ bụng đều chiếm tỷ lệ thấp, dưới 30%. Trong khi đó, số lượng người bệnh cần thực hiện các kỹ thuật này lại rất nhiều. Trung bình khoa Nội tiêu hóa thực hiện: 700 ca nội soi dạ dày/tháng; 200 ca nội soi đại tràng/tháng; 90 ca cắt polyp/tháng. Vì vậy, trong 02 năm tới (2021 - 2022) tất cả 06 quy trình kỹ thuật trên đều được ĐD của khoa Nội Tiêu hóa quan tâm và mong muốn được đào tạo với tỷ lệ đều trên 80%. Đây cũng là điều phù hợp với thực tế, bởi vì các kỹ thuật này đều là các kỹ thuật khó đòi hỏi người ĐD cần phải được đào tạo chuyên sâu, có kỹ năng lâm sàng mới làm được. Vì thế, việc ĐTLT các kỹ thuật này cho ĐD trong khoa là rất cần thiết và cần được ưu tiên đào tạo trong giai đoạn 2021 đến 2022.

* **Khoa Nội tổng hợp:** Trong 02 năm (2019 - 2020), tất cả ĐD của khoa Nội Tổng hợp đều được ĐTLT về kỹ thuật tiêm insulin dưới da; Test đường máu mao mạch và phụ giúp BS chọc hút dịch màng phổi. Nhưng kỹ thuật phụ giúp BS nội soi phế quản và phụ giúp BS thăm dò chức năng hô hấp chỉ gần 50% ĐD trong khoa được ĐTLT. Và trong 02 năm tới (2021 - 2022), ĐD của khoa vẫn có nhu cầu ĐTLT 05 kỹ thuật trên với tỷ lệ dao động từ 50% - 80%; với mong muốn đào tạo cao nhất là kỹ thuật phụ giúp BS chọc hút dịch màng phổi; Tiêm insulin dưới da; Test đường máu mao mạch với tỷ lệ tương ứng 80%; 70% và 70%. Đây chính là nhu cầu rất cần thiết và cần được ưu tiên đào tạo trong thời gian tới.

* **Khoa Nội A:** Kết quả ở bảng 3 cho

thấy: Trong 02 năm (2019 - 2020), công tác ĐTLT của ĐD về các kỹ thuật ĐD chuyên biệt của khoa Nội A đều rất được quan tâm, với tỷ lệ đều trên 70%. Riêng 03 kỹ thuật Mắc Holte điện tim; Mắc Holte huyết áp và phụ giúp BS đặt catheter lọc máu thì tất cả các ĐD đều được ĐTLT. Trong 02 năm tới (2021 - 2022), ĐD của khoa Nội A vẫn mong muốn được ĐTLT về các kỹ thuật này để nâng cao năng lực chuyên môn hơn nữa, với tỷ lệ dao động từ 60% - 80%. Trong đó 03 kỹ thuật có nhu cầu cao nhất là Đo mật độ loãng xương; Mắc Holte điện tim và Mắc Holte huyết áp với tỷ lệ 100%; 80%; 80%.

* **Khoa Nội Thận - Khớp:** Trong 02 năm (2019 - 2020), tỷ lệ ĐD của khoa Nội Thận - Khớp được ĐTLT về các kỹ thuật ĐD chuyên biệt dao động từ 46,2% - 100%. Trong đó có kỹ thuật phụ giúp BS đặt catheter lọc máu và kỹ thuật chăm sóc catheter có tỷ lệ cao nhất với 100% và 84,6%; nhưng kỹ thuật phụ giúp BS lấy máu tách huyết tương giàu tiểu cầu lại chỉ có 46,2% ĐD được đào tạo. Trong 02 năm tới (2021 - 2022), nhu cầu ĐTLT của ĐD khoa Nội Thận - Khớp tập chung chủ yếu ở các kỹ thuật phụ giúp BS chọc hút dịch ổ bụng; phụ giúp BS chọc hút dịch màng phổi; phụ giúp BS tiêm khớp và phụ giúp BS lấy máu tách huyết tương giàu tiểu cầu với tỷ lệ đều là 69,2%.

4.1.4. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của đối tượng nghiên cứu lĩnh vực thực hiện các công việc khác

Bảng 4 cho thấy: Trong 02 năm (2019 - 2020), công tác ĐTLT về lĩnh vực thực hiện các công việc khác hầu hết đều rất cao, chiếm tỷ lệ trên 70%. Riêng công tác ĐTLT về NCKH trong lĩnh vực ĐD thì mới chỉ có 41,7% ĐD được tham dự các buổi đào tạo, tập huấn, tham dự hội thảo, hội nghị NCKH. Và trong 02 năm tới (2021 - 2022), ĐD mong muốn được đào tạo về công tác nghiên cứu khoa học khá cao, chiếm 66,7%. Mặc dù công việc của người ĐD là thực hiện y lệnh điều trị, thực hiện các quy trình kỹ thuật CSNB là chính nhưng trên thực tế

họ cũng rất cần tìm các bằng chứng trong thực hành chăm sóc để cải tiến, nâng cao chất lượng CSNB. Nhưng đây lại là vấn đề đang gặp khó khăn của bệnh viện, vì NCKH trong lĩnh vực ĐD là một lĩnh vực riêng biệt, không dễ dàng để tổ chức được một cách bài bản, quy mô một khóa ĐTLT về NCKH. Điều này cũng đang là vấn đề trăn trở của người lãnh đạo, trực tiếp phụ trách khối ĐD trong bệnh viện hiện nay. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi vẫn đưa ra lĩnh vực cần ưu tiên đào tạo đó là NCKH trong lĩnh vực ĐD và cũng mong muốn được Lãnh đạo bệnh viện quan tâm, giải quyết để đáp ứng được nhu cầu ĐTLT của người ĐD đang làm việc tại bệnh viện hiện nay. Như vậy, nội dung được ưu tiên đào tạo ở đây là công tác NCKH trong lĩnh vực ĐD.

4.2. Nhu cầu về cách thức tổ chức đào tạo liên tục của Điều dưỡng

ĐTLT là nhu cầu hàng năm của nhân viên y tế nói chung và đối với ĐD nói riêng. Đối với người học khi tham gia ĐTLT là họ mong muốn cập nhật được những kiến thức mới nhất, nâng cao kỹ năng, tay nghề nhằm trang bị hành trang kiến thức cho bản thân, tăng cường năng lực để mang lại hiệu quả cao trong quá trình thực hành chăm sóc và phục vụ người bệnh. Kết quả ở bảng 5 cho thấy: Hầu hết ĐD tự đánh giá là muốn tham gia khóa học trong thời gian 05 ngày chiếm 70,8% (thời gian 01 ngày chiếm 33,3%; từ 02 - 05 ngày chiếm 37,5%). Kết quả này cũng tương đương với nghiên cứu tại 10 bệnh viện ở Trung Quốc của Chunping Ni và cộng sự tiến hành năm 2010 để đánh giá nhu cầu về ĐTLT cũng như các yếu tố tạo động lực với ĐTLT cho thấy: các ĐD mong muốn tham gia ĐTLT trong 05 ngày, mỗi ngày khoảng 02 giờ [11]. Nhưng cao hơn nghiên cứu của La Đức Phương (2017) với thời gian mà cả hai hạng ĐD mong muốn cao nhất là trong thời gian 01 tuần (51,7%) [10].

Đa số ĐD mong muốn được tham dự các

lớp ĐTLT tại đơn vị (87,5%), theo hình thức học kết hợp giữa tập trung và từ xa (43,8%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của La Đức Phương (2017) với nhu cầu tổ chức các lớp đào tạo tại bệnh viện đạt 74% [10] và nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoài Thu (2015) với tỷ lệ 94,6% [7]. Nhu cầu này rất thiết thực và phù hợp với thực tế, vì ĐTLT tại đơn vị sẽ giúp công tác tổ chức cũng thuận lợi hơn, triển khai được nhiều hình thức và nhiều lớp học cùng một thời điểm. Đối với người học cũng là nhu cầu rất thiết thực bởi vì khi tham gia ĐTLT người ĐD không phải di chuyển đi xa, họ sẽ có nhiều thuận lợi hơn khi tham gia các khóa ĐTLT, lãnh đạo khoa sẽ tạo điều kiện để ĐD tham gia các lớp ĐTLT. Người được hưởng lợi sẽ là đối tượng ĐD vì khi tham gia ĐTLT tại bệnh viện họ vẫn đảm bảo được công việc mà lại được cập nhật thường xuyên liên tục kiến thức và kỹ năng chuyên môn của mình.

Nghiên cứu của chúng tôi có đến 91,7% ĐD mong muốn đào tạo theo phương pháp kết hợp lý thuyết và thực hành. Giảng viên ĐTNC mong muốn là cán bộ các bệnh viện tuyến Trung ương (72,9%). Đây cũng là phương pháp học giúp người học có thể lĩnh hội được nhiều nhất kiến thức mà giảng viên cung cấp, giúp nhanh chóng nâng cao kiến thức và thực hành cho ĐD.

5. KẾT LUẬN

Trong 02 năm (2019 - 2020), công tác ĐTLT về lĩnh vực thực hiện CSNB và thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chung của 05 khoa lâm sàng khối Nội đều được ĐD quan tâm và tham gia học tập với tỷ lệ cao, dao động từ 80% - 100%. Có trên 80% ĐD của khoa Nội A được ĐTLT về các kỹ thuật chuyên biệt của khoa; tuy nhiên tỷ lệ này lại khá thấp (<30%) với khoa Nội Tiêu hóa và khoa Nội Tổng hợp.

Trong 02 năm tới (2021 - 2022), các kỹ thuật có nhu cầu ĐTLT ưu tiên:

Thực hiện chăm sóc người bệnh: Tư vấn, hướng dẫn GDSK (91,7%).

Thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chung: Quy trình cấp cứu sốc phản vệ; Cấp cứu ngừng tuần hoàn và cấp cứu ngừng hô hấp (với tỷ lệ đều là 81,3%).

Thực hiện các kỹ thuật Điều dưỡng chuyên biệt từng khoa:

Khoa Nội Tim mạch: Phụ giúp Bác sỹ chọc dịch màng tim (90,0%).

Khoa Nội Tiêu hóa: Phụ giúp Bác sỹ cắt polip (90,0%); Phụ giúp Bác sỹ nội soi dạ dày (80,0%); Phụ giúp Bác sỹ nội soi đại tràng (80,0%).

Khoa Nội Tổng hợp: Phụ giúp Bác sỹ chọc hút dịch màng phổi (80,0%).

Khoa Nội A: Đo mật độ loãng xương (100,0%); Mặc Holte điện tim (80,0%) và Mặc Holte huyết áp (80,0%).

Khoa Nội Thận - Khớp: Phụ giúp Bác sỹ chọc dịch ổ bụng; Phụ giúp Bác sỹ chọc dịch màng phổi; Phụ giúp Bác sỹ tiêm khớp và phụ giúp Bác sỹ lấy máu tách huyết tương giàu tiểu cầu (với tỷ lệ đều là 69,2%).

Thực hiện các công việc khác: Giao tiếp và hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ (với tỷ lệ đều trên 70%); Nghiên cứu khoa học (66,7%).

Cách thức tổ chức đào tạo liên tục giai đoạn 2021 - 2022: Thời gian cho mỗi khoa học là dưới 05 ngày (70,8%). Địa điểm tổ chức tại đơn vị (87,5%). Với đội ngũ giảng viên là cán bộ các bệnh viện tuyến Trung ương 72,9%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005). Nghị quyết số 46/NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

2. Bộ Y tế (2013). Thông tư số 23/2013/TT-BYT hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế.

3. Bộ Y tế (2007). Tài liệu hướng dẫn quản lý công tác đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ y tế cơ sở.

4. Nguyễn Thị Bích Nga (2015). *Thực trạng công tác Điều dưỡng về chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Phổi Trung ương năm 2015*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.

5. Trần Quốc Kham, Đinh Danh Tuấn và Phan Quốc Hội (2011). Thực trạng và nhu cầu đào tạo điều dưỡng trung học tuyến cơ sở của ngành y tế tỉnh Điện Biên năm 2009. *Tạp chí Y học Thực hành*; 760(4), 111-113.

6. Ngô Minh Đạt (2018). *Khảo sát thực trạng nhân lực và nhu cầu đào tạo liên tục của Điều dưỡng viên tại huyện Thanh Oai, Hà Nội năm 2018*, Luận văn Thạc sĩ Điều dưỡng, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Nam Định.

7. Nguyễn Thị Hoài Thu (2015). *Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục của Điều dưỡng lâm sàng tại Bệnh viện Phổi Trung ương, giai đoạn 2015 - 2017*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.

8. Bộ Y tế (2011). Thông tư 07/2011/TT-BYT về việc Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện.

9. Nguyễn Thị Thu Hằng (2016). *Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của Điều dưỡng các khoa lâm sàng bệnh viện C Thái Nguyên năm 2016*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.

10. La Đức Phương (2017). *Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục cho điều dưỡng khối Nội và khối Ngoại của bệnh viện đa khoa Kiên Giang năm 2017*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.

11. Ni C, Hua Y.P, Shao et al (2014). Continuing education among Chinese nurses: A general hospital-based study. *Nurse education today*; 34(4), 592-597.